TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2019/HS-ST
Ngày: 18-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đăng Thành;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2019/TLST-HS, ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn D, sinh năm 1997 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: khóm Thượng 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn L (đã chết) và bà Phan Thị T, sinh năm 1962; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-7-2019 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Văn H, sinh năm 1982 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp Nguyễn Út, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1958; tiền án: Ngày 01-3-2005, bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-10-2008 và nộp án phí vào ngày 26/12/2007, chưa bồi thường cho bị hại, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-7-2019 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Ông Phan Văn Giỏi E, sinh năm 1998; thường trú: xã B, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: nhà trọ Ngân Hà II, 1587C, tổ 2, khu phố M Hiệp, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn M, sinh ngày 18-02-2002; địa chỉ: ấp (nay là khóm) Thượng 1, xã (nay là thị trấn) T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp (nay là khóm) Thượng 1, xã (nay là thị trấn)T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Tống Công T, sinh năm 1986 và ông Phan Thanh H, sinh năm 1984; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 01 giờ ngày 05/7/2019, D điều khiển xe mô tô biển số 63B2 – 068.16 chở H đi từ phòng trọ đến địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đi qua nhà trọ Ngân Hà thuộc khu phố M Hiệp, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, D và H thấy cổng nhà trọ không khóa nên D điều khiển xe chạy vào. Lúc này, H xuống xe rồi đi bộ ra cổng nhà trọ Ngân Hà để cảnh giới. D đi vào quan sát thấy phòng trọ số 28 do ông Phan Văn Giỏi E thuê ở, không khóa cửa phòng, D nảy sinh ý định đi vào bên trong phòng số 28 tìm tài sản để chiếm đoạt. Thực hiện ý định, D đi vào bên trong phòng số 28 thì nhìn thấy ông E đang ngủ nên lấy 01 điện thoại Nokia màu đen (đã bị vỡ màn hình) để vào túi quần bên trái và cầm trên tay 01 loa Bluetooth màu vàng đen. D mang số tài sản này ra vị trí xe mô tô rồi dẫn xe mô tô đi ra ngoài cổng nhà trọ để chạy thoát. Cùng thời điểm này, lực lượng công an phường T, thị xã T đang đi tuần tra phát hiện D và H có biểu hiện nghi vấn nên đã mời D và H về trụ sở công an phường T làm việc. Tại đây, D và H khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp 01 điện thoại Nokia màu đen (đã bị vỡ màn hình), 01 loa Bluetooth màu vàng đen.

Công an phường T tiến hành lập biên thu giữ vật chứng gồm :01 điện thoại Nokia màu đen (đã bị vỡ màn hình), 01 loa Bluetooth màu vàng đen, 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu trắng vàng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động màu xanh đen số Imel 351672105153, 01 điện thoại di động Philips màu đen, 01 xe mô tô biển số 63B2 – 068.16 và 01 con dao dài 20cm màu đen.

Sau đó, Công an phường T chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 198/KLTS – TTHS ngày 11/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 loa mini loại loa Bluetooth màu đen có viền vàng, đã qua sử dụng trị giá 400.000 đồng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Nokia 6 màu đen, màn hình điện thoại có vết nứt, đã qua sử dụng trị giá 2.590.000 đồng.

Ngày 28/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã T, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng số 193 trả lại 01 loa mini loại loa Bluetooth màu đen có viền vàng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Nokia 6 màu đen, màn hình điện thoại có vết nứt cho ông Phan Văn Giỏi E. Ông E không có yêu cầu gì khác.

Xe mô tô biển số 63B2 – 068.16 do bà Nguyễn Thị Mần đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Lý Văn D mua xe 63B2 – 068.16 của một người đàn ông (không rõ nhân thân). Kết quả tra cứu tại Phòng PC 02 Công an tỉnh Bình Dương đối với dữ liệu xe 63B2 – 068.16 không tìm thấy dữ liệu xe nêu trên trong dữ liệu xe vật chứng.

Ngoài ra, Lý Văn D còn thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cụ thể như sau:

Lý Văn D và Nguyễn Văn M có mối quan hệ là bạn với nhau.

Khoảng 14 giờ ngày 11/01/2019, D mượn xe môtô biển số 66GA – 030.72 cũa M để đi lấy Giấy chứng minh nhân dân của D tại thị trấn T, huyện H, M đồng ý và giao xe cho D, trong cốp xe 66GA – 030.72 có Giấy đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị K (mẹ ruột của M). Sau khi mượn được xe môtô của M, do hết tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định đE xe 66GA – 030.72 đi cầm. Thực hiện ý định D điều khiển xe 66GA – 030.72 đi đến tiệm cầm đồ Thanh H thuộc Khóm Trung 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do ông Phan Thanh H (sinh năm 1984, HKTT: ấp Trung 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp) làm chủ. Tại đây, D cầm xe 66GA – 030.72 với số tiền là 2.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, M nhìn thấy D điều khiển xe mô tô khác nên đã hỏi D xe của M đâu thì D nói dối với M là xe đã bị công an bắt. Ngày 12/01/2019, bà K tiếp tục hỏi D xe đang ở đâu thì D nói với bà K là xe D đã cầm ở tiệm cầm đồ Thanh H nên bà K đến tiệm cầm đồ Thanh H chuộc xe 66GA – 030.72 với số tiền là 2.000.000 đồng. Sau đó, bà K đến Công an thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp trình báo vụ việc trên. Sau khi tiếp nhận vụ việc Công an thị trấn T đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện H theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

huyện H đã mời D đến làm việc. D đã thừa nhận hành vi chiếm đoạt xe 66GA – 030.72 của M. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện H tiến hành tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 66GA – 030.72, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 66GA – 030.72, 01 Giấy biên lai nhận đề ngày 06/12/2018 tên tiệm cầm đồ Thanh H.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KLTS – TTHS ngày 31/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H tỉnh Đồng Tháp kết luận: xe mô tô biển số 66GA – 030.72 đã qua sử dụng, có trị giá 10.500.000 đồng.

Xe mô tô biển số 66GA – 030.72 do bà Nguyễn Thị K đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ngày 11/01/2019, M cho D mượn để làm phương tiện đi lại rồi chiếm đoạt. Ngày 31/01/2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự ra Quyết định xử lý vật chứng số 205 và trả lại xe 66GA – 030.72, giấy chứng nhận đăng ký xe, Giấy biên lai nhận đề ngày 06/12/2018 tên tiệm cầm đồ Thanh H cho M. Bà K yêu cầu D bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.

Cáo trạng số 169/CT-VKS.TU ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lý Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

- Đối với bị cáo Lý Văn D áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" với mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Lý Văn D về tội tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" với mức hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lý Văn D là 01 (một) năm 09 (chín) tháng đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

- Đối với bị cáo Lê Văn H áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản" với mức hình phạt từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy con dao dài 20cm, lưỡi dao bằng thép màu trắng dài 10cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước xe mô tô màu xanh, biển số 63B2-06816, số máy 2FMH0020903, số khung H2PAKH 010903.

- Trả cho bị cáo Lê Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen.

- Trả cho bị cáo Lý Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen.

Bị cáo Lý Văn D nói lời sau cùng: tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn H nói lời sau cùng: tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận thấy được hành vi đã thực hiện là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lý Văn D khai nhận:

Ngày 11-01-2019, tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, D đã lợi dụng sự tin tưởng của Nguyễn Văn M cho D mượn xe mô tô biển số 66GA – 030.72. Sau đó D thực hiện hành vi chiếm đoạt và mang đi cầm. Xe mô tô biển số 66GA – 030.72 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 10.500.000 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan đến vụ án, biên bản định giá tài sản, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo gây thiệt hại về tài sản cho bị hại với số tiền là 10.500.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lý Văn D và Lê Văn H khai nhận:

Ngày 05-7-2019, tại nhà trọ Ngân Hà II thuộc tổ 2, khu phố M Hiệp, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Lý Văn D và Lê Văn H đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Phan Văn Giỏi E lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 loa mini loại loa Bluetooth màu đen có viền vàng, đã qua sử dụng trị giá 400.000 đồng, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu Nokia 6 màu đen, màn hình điện thoại có vết nứt, đã qua sử dụng trị giá 2.590.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.990.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản định giá tài sản, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lý Văn D hành vi của bị cáo gây thiệt hại về tài sản cho bị hại với tổng số tiền là 2.990.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lê Văn H hành vi của bị cáo gây thiệt hại về tài sản cho bị hại với tổng số tiền là 2.990.000 đồng, bị cáo có một tiền án về tội Trộm cắp tài sản nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thị xã T diễn biến phức tạp, do ý thức chấp hành pháp luật kém, gây ảnh hưởng về tài sản của công dân. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần pH xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xE xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Về tình tiết tăng nặng: không.

- Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn D tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), đây là ý chí tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về vật chứng:

- Đối với con dao dài 20cm, lưỡi dao bằng thép màu trắng dài 10cm không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với xe mô tô màu xanh, biển số 63B2-06816, số máy 2FMH00020903, số khung H2PAKH 010903 là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen số imei 356902/08/006947/6 là tài sản của bị cáo Lê Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen, số imei 868922021779083; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen số imei 351672/05/530288/9 là tài sản của bị cáo Lý Văn D không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: các bị cáo pH chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lý Văn D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Lý Văn D:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lý Văn D 01 (một) năm tù.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lý Văn D 01 (một) năm tù.

- Căn điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lý Văn D pH chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-7-2019.

1.2. Đối với bị cáo Lê Văn H:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05-7-2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lý Văn D có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người pH thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn pH trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Biện pháp tư pháp - về vật chứng: căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao dài 20cm, lưỡi dao bằng thép màu trắng, dài 10cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô màu xanh, biển số 63B2-06816, số máy 2FMH00020903, số khung H2PAKH 010903.

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu trắng vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen số imei 356902/08/006947/6.

- Hoàn trả cho bị cáo Lý Văn D: 01 điện thoại di động hiệu Philip màu đen, số imei 868922021779083; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen số imei 351672/05/530288/9.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08-11-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương)

4. Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Lê Văn H pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Lý Văn D pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Sơn